

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/DS-ST

Ngày: 24/02/2021.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng chăn nuôi gia công*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Huấn.

Các hội thẩm nhân dân: + Bà Lài Thị Thu Hà;
+ Bà Ngô Thị Luân.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đàm Thị Thu Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 98/2020/TLST- DS ngày 06 tháng 05 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng chăn nuôi gia công*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2021/QĐST-DS ngày 29/01/2021, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Công ty TNHH C.

Trụ sở: Quốc lộ 1A, xã M, huyện B, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Kim Sun Kang, chức vụ: Tổng giám Đ.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Anh **Lê Ngọc T**, sinh năm 1984, chức vụ: Trưởng phòng kiểm soát nội bộ, theo văn bản ủy quyền ngày 10/02/2020.

* **Bị đơn:** Ông **Dương Xuân Đ**, sinh năm 1969

Địa chỉ: Thôn P1, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Dương Xuân Đ là: Luật sư **Dương Đình N** – Văn phòng luật sư Dương Đình Nam, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng.

* **Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Anh **Trần Hoàng P**, sinh năm 1989

Địa chỉ: Ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai

- Anh **Nguyễn T P**, sinh năm 1998

Địa chỉ: Ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai

Cùng là nhân viên Công ty TNHH C - Quốc lộ 1A, xã M, huyện B, tỉnh Long An.

(Đại diện nguyên đơn anh T, bị đơn ông Đ và luật sư Nam có mặt; những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh P và anh Phi vắng mặt và đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện nguyên đơn anh Lê Ngọc T trình bày: Ngày 05/9/2019, Công ty TNHH C có ký hợp đồng số 99/2019/HĐKT/CJV-GCTDN và phụ lục hợp đồng chăn nuôi gia công heo số 99/2019/HĐKT/CJV-GCTDN với ông Dương Xuân Đ, theo đó Công ty cung cấp heo giống, thức ăn, vacxin cho trại và trại thực hiện gia công chăn nuôi và hưởng giá trị gia công theo thỏa thuận tùy vào chất lượng chăn nuôi heo. Ngày 04/10/2019 Công ty đã nhập cho trại ông Đ 650 con heo giống với tổng trọng lượng là 5.484kg, trọng lượng trung bình là 8,43kg/01 con. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty có cử cán bộ kỹ thuật là Trần Hoàng P hỗ trợ kỹ thuật cho trại chăn nuôi ông Đ trong quá trình chăn nuôi gia công heo với Công ty. Tuy nhiên, giai đoạn thực hiện hợp đồng, Anh Phi có hỗ trợ các trại heo khác trên địa bàn vì có xảy ra dịch bệnh nên không trực tiếp đến trại ông Đ trực tiếp hỗ trợ kỹ thuật để tránh lây lan dịch bệnh. Do vậy, anh Phi có nhờ anh P cũng là kỹ thuật Công ty đến trại ông Đ tiếp tục hỗ trợ kỹ thuật tại trại ông Đ trong thời gian anh Phi vắng mặt. Khi thỏa thuận thực hiện hợp đồng thì Công ty có P cho trại ông Đ 01 cuốn sổ vàng để thực hiện theo dõi trong quá trình chăn nuôi, nếu có heo chết bất thường, thiếu heo hoặc trại có xảy ra dịch bệnh thì trại ông Đ phải kịp thời báo cho Công ty để cùng xác nhận và xử lý. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng, khi có heo chết thì cán bộ kỹ thuật xác nhận, lập phiếu, chụp hình heo chết và nhiều lần gọi điện cho ông Đ nhưng ông Đ không nghe máy để ký phiếu xác nhận nên phía cán bộ kỹ thuật có sơ xuất, không thực hiện việc ông Đ trực tiếp ký phiếu xác nhận heo chết mà cán bộ kỹ thuật tự ký giúp ông Đ để báo cáo với Công ty. Đến ngày 05/02/2020 thì Công ty TNHH C đã nhập lại heo thịt từ trại ông Đ là 314 con; số lượng heo chết xác nhận trong quá trình chăn nuôi là 27 con và 01 con heo chết tại thời điểm Công ty nhập lại heo thịt. Như vậy, số lượng heo ông Đ chăn nuôi làm hao hụt là 308 con. Theo hợp đồng thì Công ty TNHH C yêu cầu ông Đ bồi thường số heo hao hụt theo đơn giá 10.000.000đ/01 con, tương ứng số tiền là 3.080.000.000đ. Ngoài ra, phía Công ty không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn ông Dương Xuân Đ trình bày: Ông có ký hợp đồng chăn nuôi gia công heo thịt cùng phụ lục hợp đồng số 99/2019/HĐKT/CJV-GCTDN ngày 05/9/2019 với Công ty TNHH C, theo đó ngày 04/10/2019, Công ty có nhập cho ông 650 con heo giống với trọng lượng trung bình 8,43kg/01 con. Quá trình thực hiện chăn nuôi heo ông đã thực hiện đúng theo thỏa thuận nhưng do xảy ra dịch bệnh nên quá trình chăn nuôi heo bị chết hơn 300 con. Số heo còn lại là 314 con heo thì ngày 05/02/2020 ông đã xuất lại cho Công ty TNHH C. Nay, Công ty yêu cầu ông bồi thường 3.080.000.000đ tương ứng số heo chết 308 con thì ông không đồng ý. Ông Đ **yêu cầu nguyên đơn T toán cho ông chi phí chăn nuôi gia công** 314 con heo xuất bán với số tiền là 21.548.000đ và trả tiền công chăn nuôi 336 con heo nhưng đã chết với số tiền là 10.000.000đ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Trần Hoàng P trình bày: Anh là kỹ thuật chính tại trại chăn nuôi Dương Xuân Đ trong giai đoạn Công ty thực hiện hợp đồng gia công với ông Đ. Tuy nhiên, do thời gian thực hiện hợp đồng với ông Đ thì trên địa bàn có xảy ra dịch tại vùng lân cận nên anh Phi có nhờ anh P hỗ trợ kỹ thuật trong quá trình anh Phi theo dõi heo dịch bệnh tại các trại khác. Do liên quan đến các báo cáo theo tuần trong quá trình chăn nuôi nhưng cán bộ kỹ thuật không gặp trực tiếp ông Đ được mà các bên trao đổi với nhau và thống nhất qua điện thoại. Sau đó, anh Phi có tự ý ký tên của ông Đ vào một số báo cáo để kịp tiến độ gửi báo cáo về Công ty. Nay giữa Công ty có tranh chấp với ông Đ thì đề nghị Tòa án xem xét xác minh, làm rõ và giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn T P trình bày: Anh là kỹ thuật hỗ trợ anh Phi tại trại chăn nuôi Dương Xuân Đ trong giai đoạn Công ty thực hiện hợp đồng gia công với ông Đ. Tuy nhiên, do thời gian thực hiện hợp đồng với ông Đ thì trên địa bàn có xảy ra dịch tại vùng lân cận nên anh Phi có nhờ anh P hỗ trợ kỹ thuật trong quá trình anh Phi theo dõi heo dịch bệnh tại các trại khác. Trong thời gian thực hiện nhiệm vụ, nếu có heo chết thì trại chăn nuôi do ông Đ hoặc người làm công tại trại sẽ gọi điện báo cáo kỹ thuật và anh P sẽ trực tiếp kiểm tra, chụp hình báo lại với anh Phi, đến cuối tuần thì anh Phi lập phiếu xác nhận gửi về Công ty theo dõi cụ thể. Nay, giữa Công ty có tranh chấp với ông Đ thì đề nghị Tòa án xem xét xác minh, làm rõ và giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không được do các đương sự không có mặt đầy đủ.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu ông Dương Xuân Đ phải bồi thường cho Công ty TNHH C số tiền 700.000.000đ tương ứng số heo thất thoát trong quá trình chăn nuôi theo hợp đồng gia công với Công ty mà cơ quan Công an đã chứng minh được. Qua yêu cầu của phía công ty thì ông Đ **tự nguyện đồng ý bồi thường cho phía Công ty TNHH C số tiền 700.000.000đ**; đồng thời, ông Đ tự nguyện xin rút toàn bộ yêu cầu phản tố yêu cầu phía công ty phải T toán khoản tiền công nuôi heo và tiền hỗ trợ chi phí chăn nuôi là 31.548.000đ. Ngoài ra các đương sự không yêu cầu gì thêm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn thống nhất ý kiến của bị đơn ông Dương Xuân Đ, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà P biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các bên đương sự cũng như P biểu quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH C, buộc ông Dương Xuân Đ phải trả cho Công ty TNHH C số tiền 700.000.000đ;

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải T toán số tiền 2.380.000.000đ;

- Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu nguyên đơn phải T toán khoản tiền công nuôi heo và tiền hỗ trợ chi phí chăn nuôi là 31.548.000đ.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với nghĩa vụ tài sản phải trả cho nguyên đơn. Tại phiên tòa, bị đơn có nộp đơn xin miễn giảm án phí vì điều kiện kinh tế khó khăn. Xét thấy, đơn yêu cầu giảm tiền án phí của bị đơn không thuộc trường hợp giảm án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nên đề nghị Hội đồng xét xử không giảm án phí cho bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Phi và anh P vắng mặt tại phiên tòa và đều có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vắng mặt những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nêu trên theo thủ tục chung là hoàn toàn phù hợp

[2] *Về quan hệ tranh chấp*: Theo yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn Công ty TNHH C cho rằng, ngày 05/9/2019 giữa Công ty và ông Dương Xuân Đ có ký hợp đồng chăn nuôi gia công heo số 99/2019/HĐKT/CJV-GCTDN và phụ lục hợp đồng số 99/2019/HĐKT/CJV-GCTDN. Theo đó, Công ty cung cấp cho trại ông Đ 650 con heo giống, thức ăn, hỗ trợ kỹ thuật, vacxin và ông Đ chịu trách nhiệm về chuồng trại, nhân công chăn nuôi gia công heo theo yêu cầu. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng thì ông Đ nhập lại cho Công ty số lượng heo thịt không đủ như heo đã giao trừ đi lượng heo chết trong quá trình chăn nuôi. Do vậy, Công ty yêu cầu ông Đ phải bồi thường cho Công ty số tiền theo đơn giá thỏa thuận tại hợp đồng chăn nuôi mà hai bên đã ký kết tương ứng với số lượng heo hao hụt. Xét thấy, việc Công ty TNHH C ký hợp đồng và phụ lục hợp đồng chăn nuôi gia công heo với ông Dương Xuân Đ, trong đó ông Đ chỉ là hộ gia đình có chuồng trại, mặt bằng và thực hiện hợp đồng với Công ty để nhận chỉ phí chăn nuôi gia công mà ông Đ không có đăng ký kinh doanh nên căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 xác định đây là vụ án dân sự về việc: “*Tranh chấp hợp đồng chăn nuôi gia công*”. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] *Về nội dung tranh chấp*: Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo nguyên đơn và bị đơn cùng xác nhận, ngày 05/9/2019, Công ty TNHH C (Sau đây gọi tắt là Công ty Agri) có ký hợp đồng số 99/2019/HĐKT/CJV-GCTDN và phụ lục hợp đồng chăn nuôi gia công heo số 99/2019/HĐKT/CJV-GCTDN với ông Dương Xuân Đ. Theo nội dung hợp đồng chăn nuôi gia công heo thịt giữa Công ty Agri với ông Đ thể hiện, bên Công ty khoán việc chăn nuôi heo thịt cho ông Đ với số lượng 500 con heo đã cai sữa; quy định về quyền và nghĩa vụ của cả bên Công ty và ông Đ trong quá trình thực hiện hợp đồng; Công ty có nghĩa vụ cung cấp heo con đã cai sữa cho bên ông Đ để chăn nuôi, cung cấp thức ăn gia súc, thuốc sát trùng, kháng sinh, vacxin, cử cán bộ hướng dẫn kỹ thuật về chăn nuôi heo và công việc quản lý

chuồng trại...; còn bên phía ông Đ có nghĩa vụ về chuồng trại, nhân sự và các điều kiện liên quan để đảm bảo chăm sóc, quản lý, nuôi heo từ lúc được giao đến khi nhập lại heo thịt cho Công ty. Quá trình thực hiện hợp đồng thì bên ông Đ *“phải ghi lại đầy đủ số liệu, nhật ký trong sổ theo dõi về việc sử dụng thức ăn, vacxin, sổ theo dõi phải để nơi cố định trong chuồng trại và sẵn sàng để cho cán bộ bên Công ty kiểm tra”*, phải giao nộp cho bên Công ty hàng tuần trong suốt quá trình chăn nuôi heo. Ngoài ra, phụ lục hợp đồng giữa Công ty với ông Đ còn quy định chi tiết về việc Công ty chi trả tiền công chăn nuôi heo cho ông Đ theo tỷ lệ chăn nuôi đạt mức cụ thể.

Quá trình giải quyết vụ án, theo nguyên đơn cho rằng, quá trình thực hiện hợp đồng thì ngày 04/10/2019, Công ty Agri đã giao cho trại chăn nuôi của ông Đ 650 con heo với tổng trọng lượng là 5.484kg, trọng lượng trung bình là 8,43kg/01 con. Ông Đ xác định đã nhận đủ số lượng heo như bên Công ty trình bày và xác định chữ ký, chữ viết “*Dương Xuân Đ*” tại phần “*Bên nhận*” của Biên bản giao nhận heo ngày 04/10/2019 đúng là do ông Đ tự ký và viết. Như vậy, có cơ sở xác định, số lượng heo giữa Công ty và ông Đ thống nhất thực hiện theo hợp đồng chăn nuôi gia công đã ký kết là 650 con.

Tuy nhiên, phía công ty cho rằng, trong quá trình thực hiện chăn nuôi thì Công ty cử cán bộ kỹ thuật là anh Trần Hoàng P để hỗ trợ kỹ thuật chăn nuôi, chuồng trại cho trại ông Đ nhưng trên địa bàn thời điểm này có trại chăn nuôi khác xuất hiện dịch bệnh nên cán bộ kỹ thuật đến trại nơi có dịch thăm khám, hỗ trợ kỹ thuật. Do sợ lây lan dịch bệnh nên khi đến trại có dịch thì anh Phi không về lại trại của ông Đ nữa mà nhờ kỹ thuật khác là anh Nguyễn T P hỗ trợ tại trại ông Đ. Theo quy định thì hàng tuần, trại heo phải báo cáo với Công ty về tình hình, số lượng heo. Khi thực hiện hỗ trợ kỹ thuật tại trại ông Đ, anh P cho rằng, do ông Đ không thường xuyên có mặt tại trại nên nhiều lần làm báo cáo thì ông Đ không trực tiếp ký được, do vậy anh P báo cáo qua anh Phi và anh Phi tự lập báo cáo, trong đó ông Đ không ký báo cáo và anh Phi gửi về Công ty để kịp báo cáo theo yêu cầu. Quá trình Tòa án thực hiện đối chất thì ông Đ xác định, ông chỉ ký xác nhận báo cáo số lượng heo trong tuần heo thịt ngày 27/10/2019; còn tất cả các báo cáo tuần khác trong quá trình chăn nuôi gia công thì ông Đ không ký. Anh Phi thừa nhận, do khi lập báo cáo trong tuần, ông Đ không ký kịp thời nên anh đã tự ký phần xác nhận của ông Đ để kịp gửi báo cáo cho Công ty. Theo các báo cáo tuần như nguyên đơn cung cấp xác định, từ ngày nhận heo chăn nuôi đến khi nhập lại heo thịt thì số lượng heo chết được xác định là 28 con, trong đó số lượng heo chết trong quá trình chăn nuôi theo các báo cáo tuần tổng cộng là 27 con và 01 con chết tại thời điểm nhập lại heo thịt cho Công ty. Tuy nhiên, ngày 05/02/2020, Công ty nhập lại toàn bộ heo thịt tại trại chăn nuôi ông Đ là 314 con. Như vậy, số lượng heo hao hụt là 308 con heo. Do vậy, Công ty yêu cầu ông Đ phải bồi thường cho Công ty giá trị của 308 con heo theo đơn giá thỏa thuận tại hợp đồng là 10.000.000đ/01 con, thành tiền là 3.080.000.000đ. Còn ông Đ không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty vì cho rằng, toàn bộ số lượng heo hao hụt là do heo bị dịch bệnh chết trong thời gian chăn nuôi.

Qua xem xét, đánh giá thấy rằng, theo nội dung thỏa thuận tại hợp đồng chăn nuôi giữa Công ty Agri với ông Đ thì nghĩa vụ của ông Đ là *“Trường hợp dịch bệnh xảy ra trong trại hoặc các vùng lân cận gây cho heo bị bệnh chết thì phải báo ngay”* cho Công ty biết, chậm nhất không quá 24 giờ từ khi xảy ra sự việc và giữ lại xác heo chết để bên Công ty kiểm tra. Qua nội dung đối chất giữa các đương sự thì nguyên

đơn và bị đơn cùng thừa nhận, khi thực hiện hợp đồng chăn nuôi gia công, phía Công ty có giao cho ông Đ 01 cuốn sổ theo dõi tình hình chăn nuôi tại trại heo gọi là “Sổ vàng”, đồng thời, theo thỏa thuận tại hợp đồng như nêu trên thì ông Đ là người có trách nhiệm theo dõi về tình hình chăn nuôi heo và báo cáo hàng tuần cho Công ty. Tuy nhiên, ông Đ cho rằng, sau khi nhập lại heo thịt thì Công ty đã nhận lại cuốn “Sổ vàng” hiện nay ông không còn quản lý; còn phía Công ty lại cho rằng, cuốn “Sổ vàng” là giao cho trại nuôi quản lý. Đến nay, các đương sự đều không cung cấp được cho Tòa án cuốn sổ theo dõi quá trình chăn nuôi heo. Việc báo cáo heo hàng tuần ông Đ không trực tiếp thực hiện mà theo các báo cáo heo hàng tuần thì ông Đ thừa nhận, ông chỉ ký báo cáo tuần ngày 27/10/2019, còn lại các báo cáo tuần khác trong suốt quá trình chăn nuôi theo hợp đồng thì ông không ký. Như vậy, ông Đ không thực hiện báo cáo tuần, không bảo quản và lưu giữ sổ theo dõi trong quá trình chăn nuôi gia công heo là vi phạm hợp đồng chăn nuôi gia công đã ký kết với Công ty; ông Đ yêu cầu Công ty phải cung cấp được tất cả các báo cáo có sự xác nhận của ông để xác định số lượng theo chết là không có cơ sở. Tuy nhiên, quá trình chăn nuôi gia công thì Công ty có trách nhiệm cử cán bộ kỹ thuật hỗ trợ trại chăn nuôi, hai bên phối hợp và xác nhận với nhau tình hình chăn nuôi nhưng cán bộ kỹ thuật tự lập phiếu báo cáo tuần và tự ý ký xác nhận thay ông Đ là không đúng; việc cán bộ kỹ thuật được phân công trực tiếp hỗ trợ tại trại ông Đ được điều xử lý tại trại khác khi xảy ra dịch bệnh nhưng Công ty không kịp thời phân công cán bộ kỹ thuật thay thế để hỗ trợ tại trại ông Đ cũng là thiếu sót nên lỗi một phần cũng thuộc về Công ty.

Mặt khác, theo kết quả xác minh của Tòa án xác định, quá trình sau khi nhập lại theo thịt tại trại chăn nuôi ông Đ, do heo hao hụt nên Công ty có đề nghị Công an huyện Lâm Hà điều tra, xác minh làm rõ. Quá trình điều tra tại Công an huyện Lâm Hà xác định, vào ngày 22/01/2020 (nhằm ngày 28/12/2019 âm lịch) thì ông Dương Xuân Đ có bán heo cho các thương lái tổng cộng là 74 con heo, trọng lượng khoảng 90kg/01 con. Theo ông Đ cho rằng, việc ông bán heo cho thương lái là do giai đoạn gần Tết Nguyên Đán năm 2019, ông buôn bán heo nên thu mua heo về bán lại. Tuy nhiên, theo sự xác nhận của những người mua heo của ông Đ thì tại thời điểm mua heo của ông Đ, số lượng heo trong chuồng có khoảng 500 đến 600 con heo, trọng lượng heo lúc này khoảng 90kg/01 con cũng tương đương heo chuồng trại ông Đ đang chăn nuôi gia công cho Công ty. Tại biên bản lấy lời khai của Công an huyện Lâm Hà với ông Dương Xuân Đ ngày 01/4/2020 thì ông Đ xác nhận, sau khi ký hợp đồng nhận chăn nuôi gia công heo cho Công ty Agri 650 con heo thì ông không nuôi thêm heo khác, gia đình ông chỉ có 01 trại nuôi heo duy nhất. Quá trình làm việc, đối chất tại Tòa án thì ông Đ lại cho rằng, bên trên trại heo nuôi gia công với Công ty TNHH C thì ông còn trại heo nuôi gia đình chủ yếu để xuất bán cho thương lái, công suất nuôi tối đa khoảng 100 con heo. Trong khi đó, theo quy định tại hợp đồng chăn nuôi gia công thì ông Đ *“Không được nuôi các gia súc khác như: Trâu, bò, cừu, dê, gà, vịt, heo... trong khu vực chăn nuôi cũng như khu vườn nhà gia đình”*. Hơn nữa, qua kiểm tra hiện trạng chuồng trại chăn nuôi heo của ông Đ thì ông Đ xác nhận chuồng trại chăn nuôi gia công heo cho Công ty bao gồm 10 chuồng tổng cộng, mỗi chuồng có diện tích 40m² và 01 kho chứa diện tích khoảng 45m². Ngoài ra, cách khu đất có chuồng trại như nêu trên khoảng 60m thì ông Đ có chuồng trại nhỏ với 03 chuồng, mỗi chuồng 10m². Nếu tính theo tỷ lệ chuồng trại chăn nuôi theo quy chuẩn quy định tại Hợp đồng hai bên ký kết thì diện tích chuồng đảm bảo là 1,2m²/01 con heo. Như vậy, chuồng trại nhỏ của

gia đình ông Đ có tổng diện tích là $3 \times 10 = 30\text{m}^2$ tương đương sức chứa là $30\text{m}^2/1,2 = 25$ con heo. Tuy nhiên, theo kết quả điều tra của Công an như trên thì ông Đ có bán heo cho thương lái tổng cộng trong cùng một ngày là 74 con. Khi bắt heo thì các thương lái nhận định số lượng heo còn lại trong chuồng khoảng từ 500 đến 600 con heo. Như vậy, lời khai của ông Đ có nhiều mâu thuẫn. Ông Đ có trách nhiệm báo cáo heo chết với Công ty nhưng không thực hiện, quá trình nếu heo chết mà không báo cáo kịp thời thì phải giữ lại xác heo để có xác nhận của hai bên nhưng ông Đ không có chứng cứ chứng minh về số lượng heo chết hay quá trình chăn nuôi bị dịch bệnh nên nội dung ông Đ trình bày là không có cơ sở. Việc ông Đ có chuồng trại trên đất của gia đình gần trại chăn nuôi gia công cho Công ty là vi phạm nội dung hợp đồng đã ký kết với Công ty.

Mặt khác, theo kết quả cung cấp thông tin mà Tòa án thu thập được thì quá trình thực hiện hợp đồng với ông Đ, Công ty có thuê đơn vị vận chuyển thức ăn và các thực phẩm, vacxin đến chuồng trại ông Đ với tổng trọng lượng thức ăn chuyển giao đến trại ông Đ là 138.000kg. Thời gian chăn nuôi từ ngày 04/10/2019 đến ngày nhập lại heo thịt là 05/02/2020 là (04 tháng tương đương 120 ngày). Trọng lượng cám heo ăn theo quy chuẩn (từ lúc nhập heo cho đến lúc xuất lại cho Công ty) là 215,79kg/con. Như vậy, số lượng cám heo cần tiêu tốn theo quy chuẩn tối đa để nuôi 650 con heo tại trại ông Đ là $215,79\text{kg} \times 650 \text{ con} = 140,264\text{kg}$.

Tuy nhiên, số lượng heo hao hụt là 308 con. Theo kết quả xác minh thì ngày 22/01/2020 ông Đ xuất bán heo; đồng thời, quá trình chăn nuôi thì heo chết được xác định là 27 con. Do vậy, tại thời điểm nhập lại heo thịt ngày 05/02/2020 thì xác định số lượng cám heo còn dư và Công ty nhận lại là: 17.800kg.

Như vậy, tính toán cân đối thì số lượng cám heo tiêu tốn cho quá trình chăn nuôi gia công tại trại ông Đ tính trên số lượng heo chăn nuôi phù hợp theo trình bày của phía Công ty.

Từ những phân tích nêu trên có cơ sở xác định, việc ông Đ thống nhất ký hợp đồng chăn nuôi gia công heo cho Công ty Agri nhưng để heo hao hụt không có lý do và không có cơ sở xác định việc heo chết là do khách quan. Lỗi dẫn đến số lượng heo hao hụt trong quá trình chăn nuôi 308 con phần lớn thuộc về ông Đ nên ông Đ phải có nghĩa vụ phải bồi cho Công ty là phù hợp. Tuy nhiên, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn cùng thống nhất thỏa thuận, Công ty chỉ yêu cầu ông Đ phải bồi thường giá trị 700.000.000đ do ông Đ chăn nuôi heo cho Công ty bị hao hụt và ông Đ đồng ý; đồng thời, ông Đ tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu phản tố trong vụ án. Xét thấy, sự thống nhất thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần ghi nhận. Do đó, cần buộc ông Dương Xuân Đ phải bồi thường cho Công ty số tiền 700.000.000đ; đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty về việc yêu cầu ông Đ phải bồi thường số tiền 2.380.000.000đ và đình chỉ **yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu nguyên đơn phải T toán khoản tiền công nuôi heo và tiền hỗ trợ chi phí chăn nuôi tổng cộng là 31.548.000đ là phù hợp.**

[6] Về án phí: Buộc ông Đ phải chịu tiền án phí tương ứng số tiền phải bồi thường cho Công ty là 32.000.000đ ($20.000.000\text{đ} + (700.000.000\text{đ} - 400.000.000\text{đ}) \times 4\% = 32.000.000\text{đ}$), tuy nhiên ông Đ có đơn xin miễn giảm án phí vì có điều kiện kinh tế khó khăn, được chính quyền địa phương xác nhận. Do vậy, miễn cho ông Đ $\frac{1}{2}$

tiền án phí. Số tiền án phí dân sự sơ thẩm buộc ông Dương Xuân Đ phải chịu là 16.000.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 542, 543, 544, 545, 546, 547, 548, 549 và Điều 552 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 203; Điều 220; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận đơn khởi kiện của Công ty TNHH C về việc “*Tranh chấp hợp đồng chăn nuôi gia công*” với ông Dương Xuân Đ.

Buộc ông Dương Xuân Đ phải bồi thường cho Công ty TNHH C số tiền là 700.000.000đ (*Bảy trăm triệu đồng*) do chăn nuôi heo hao hụt trong quá trình thực hiện hợp đồng chăn nuôi gia công heo thịt số 99/2019/HĐKT/CJV-GCTDN và phụ lục hợp đồng số 99/2019/HĐKT/CJV-GCTDN ngày 05/9/2019 giữa Công ty TNHH C với ông Dương Xuân Đ;

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH C về việc yêu cầu ông Dương Xuân Đ phải bồi thường số tiền 2.380.000.000đ (*Hai tỷ ba trăm tám mươi triệu đồng*) do chăn nuôi heo hao hụt trong quá trình thực hiện hợp đồng chăn nuôi gia công heo thịt số 99/2019/HĐKT/CJV-GCTDN và phụ lục hợp đồng số 99/2019/HĐKT/CJV-GCTDN ngày 05/9/2019 giữa Công ty TNHH C với ông Dương Xuân Đ.

Đình chỉ yêu cầu phản tố của ông Dương Xuân Đ về việc yêu cầu Công ty TNHH C phải **T toán cho** ông Dương Xuân Đ **chi phí chăn nuôi gia công** 314 con heo với số tiền là 21.548.000đ và trả tiền công chăn nuôi 336 con heo nhưng đã chết với số tiền là 10.000.000đ, tổng cộng là 31.548.000đ (*Ba mươi một triệu năm trăm bốn mươi tám nghìn đồng*) được thực hiện theo hợp đồng chăn nuôi gia công heo thịt số 99/2019/HĐKT/CJV-GCTDN và phụ lục hợp đồng số 99/2019/HĐKT/CJV-GCTDN ngày 05/9/2019 giữa Công ty TNHH C với ông Dương Xuân Đ.

2/ Về án phí: Hoàn trả cho Công ty TNHH C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 46.800.000đ (*Bốn mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2016/0007379 ngày 06/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

Buộc ông Dương Xuân Đ phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 16.000.000đ (*Mười sáu triệu đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Dương Xuân Đ đã nộp là 789.000đ theo biên lai số AA/2016/0007613 ngày 31/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Số tiền án phí dân sự sơ thẩm ông Dương Xuân Đ còn phải nộp là 15.211.000đ (*Mười lăm triệu hai trăm mười một nghìn đồng*).

3/ Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (24/02/2021); riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú, nơi có trụ sở làm việc để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKS nhân dân huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Minh Huân

Các thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Luân - Lài Thị Thu Hà

Trần Minh Huấn